

Bản án số: 32/2023/HSST.
Ngày: 07-6-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H.
2. Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký TAND huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07-6-2023, tại trụ sở TAND huyện Đ xét xử vụ án hình sự thụ lý số 32/2023/HSST ngày 11-5-2023 đối với:

Trần Hữu T, sinh năm: 1988.

Trú tại: 1 Ô 1/26 KP H T, TT P H, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông Trần Hữu Th và bà Nguyễn Thị Yến P.

Tiền án: Ngày 27-12-2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo bản án số 29/2011/HSST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 27/8/2012, hiện chưa đóng tiền án phí.

Tiền sự: Ngày 29-6-2022 bị UBND xã Láng Dài ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số 84/QĐ-XPVPHC số tiền 3.000.000 đồng về hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản và chưa nộp phạt.

Nhân thân:

+ Ngày 23-08-2007 Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo bản án số 22/2007/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 30-11-2007.

+ Ngày 11-02-2009 bị UBND tỉnh BR-VT quyết định đưa đi cơ sở giáo dục trong thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản theo quyết định số 333/QĐ và đã chấp

hành xong ngày 05-3-2011.

+ Ngày 26-09-2013 Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 16 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo bản án số 34/2013/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 16-11-2014.

+ Ngày 08-06-2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo bản án số 26/2016/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 08-3-2017.

+ Ngày 15-06-2018 Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 16/QĐ- TA áp dụng đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc 20 tháng, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15-02-2023 – Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* bà Mai Thanh Th, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố H P, thị trấn P H, huyện Đ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố P Đ, thị trấn P H, huyện Đ.

- *Người làm chứng:* ông Phạm Văn Thành, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố H P, thị trấn P H, huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 10-12-2022, Trần Hữu T điều khiển xe mô tô (Nhãn hiệu Yamaha, loại xe nouvo) biển số 72K6-7137 đi đến bờ kè thuộc thị trấn P H nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Khi đến quán ăn Thanh Hương - Chí Tín thuộc khu phố H T, thị trấn P H, huyện Đ, T để xe mô tô trước quán rồi đi vào trong quán và gặp chị Mai Thanh Th là chủ quán (cả hai không quen biết nhau). T hỏi mua một thùng tiger nâu, một tH tiger bạc, một trăm nghìn đồng hào hấp, một trăm nghìn đồng mực nướng. Do quán chỉ còn một thùng bia tiger bạc Crystal (loại lon 330 ml, thùng 24 lon còn nguyên chưa bị bóc hộp); Một thùng bia tiger xanh (loại lon 330ml) đã bị bóc hộp còn lại 23 lon nên chị Thuỷ đề nghị cho thêm một lon bia tiger bạc Crystal vào để tính đủ một tH 24 lon thì T đồng ý. Sau đó, chị Th và T mỗi người ôm một thùng bia rồi đặt lên xe mô tô của T, riêng lon bia tiger bạc Crystal do không để trong thùng bia tiger xanh được nên T cầm ở tay và ngồi trên xe mô tô. Lúc này, hào hấp đã làm xong nên chị Th đem bịch hào hấp đưa cho T và đứng cạnh xe T chờ mực nướng làm xong để tính tiền thì T nói “Mực nướng lát nữa quay lại lấy sau”. Lúc này, lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chị Thuỷ, T nhanh chóng khởi động và điều khiển xe bỏ chạy. Do sự việc xảy ra bất ngờ nên chị Th chỉ kịp la lên “Nó chưa tính tiền” và nhờ ông Phạm Văn Thành (nhân viên của quán) đuổi theo T và thấy T đến quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị Thu Th bán số bia trên nên Thành về báo lại cho chị Mai Thanh Thuỷ biết. Sau khi bán bia cho chị Nguyễn Thị Thu Thuỷ được số tiền 700.000đ. T cầm số tiền trên cùng

bịch hầu hấp đến thị trấn Long Hải, huyện Long Điền để ăn nhậu và sử dụng hết. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, chị Mai Thanh Thủy trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Hữu T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 02-02-2023 của Hội đồng định giá xác định: 01 thùng bia Tiger bạc Crystal, loại 330ml, thùng 24 lon còn nguyên chưa bị bóc hộp có giá trị là 380.000đ; 01 thùng bia Tiger xanh, loại lon 330ml, đã bị bóc hộp còn lại 23 lon có giá trị là 345.000đ; 01 lon bia Tiger bạc Crystal, loại lon 330 ml có giá trị là 16.000đ. Tổng cộng số tiền là: 741.000 đồng.

* Tài sản, vật chứng thu giữ: 01 thùng bia Tiger bạc Crystal (loại 330ml, tH 24 lon còn nguyên); 01 thùng bia Tiger xanh (loại lon 330ml) đã bị bóc hộp còn lại 23 lon và 01 lon bia Tiger bạc Crystal, loại lon 330 ml; 01 xe mô tô biển số 72K6- 7137, nhãn hiệu Yamaha, loại xe nouvo, màu đỏ- đen- bạc; Số máy: 2B51- 08921; Số khung: 2B5105Y- 008921.

* Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Ngày 06-02-2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 thùng bia Tiger bạc Crystal (loại 330ml, thùng 24 lon còn nguyên); 01 thùng bia Tiger xanh (loại lon 330ml) đã bị bóc hộp còn lại 23 lon và 01 lon bia Tiger bạc Crystal, loại lon 330 ml cho bà Mai Thanh Thủy. Hiện bà Thủy không yêu cầu T bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự. Đồng thời, bà Thủy cũng làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với T.

Riêng bà Nguyễn Thị Thu Th yêu cầu T bồi thường số tiền 700.000đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã chuyển vật chứng là 01 xe mô tô biển số 72K6- 7137, nhãn hiệu Yamaha, loại xe nouvo, màu đỏ- đen- bạc; Số máy: 2B51- 08921; Số khung: 2B5105Y- 008921 đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ tạm giữ chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSĐĐ ngày 11-5-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 01 điều 171 - BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay: đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Trần Hữu T cấu thành tội Cướp giật tài sản và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 01 Điều 171; điểm s khoản 01, khoản 02 Điều 51; điểm h khoản 01 Điều 52; các Điều 38, 50 BLHS xử phạt b/c Trần Hữu T với mức án từ 20 đến 24 tháng tù. Còn bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát và xin HĐXX cho b/c được hưởng mức án nhẹ để sớm trở về làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh: Qua lời khai nhận của b/c tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thấy hoàn toàn phù hợp. Trên cơ sở đó xác định: Do muốn có tiền để tiêu xài các nhân, vào khoảng 16 giờ 00 ngày 10-12-2022, Trần Hữu T điều khiển xe mô tô đến quán ăn Thanh Hương - Chí Tín thuộc khu phố H T, thị trấn P H do bà Mai Thanh Th làm chủ. Đến nơi, T để xe trước quán rồi đi vào gặp bà Th hỏi mua hai thùng bia tiger, một 100.000đ hầu hập và 100.000đ mực nướng thì được bà Th đồng ý. Sau khi cùng bà Th mỗi người ôm một tH bia đặt lên xe và nhận được bạch hầu từ bà Th nhưng T không chịu trả tiền mà nhanh chóng khởi động điều khiển xe máy chạy đi. Do sự việc xảy ra nhanh chóng và bất ngờ nên bà Th chỉ biết la “Nó chưa tính tiền” và nhờ ông Phạm Văn Thành dùng xe máy đuổi theo được khoảng 01km thì phát hiện T đem số bia trên đến bán tại tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị Thu Th nên về báo lại cho bà Mai Thanh Thủy biết. Sau đó T bị cơ quan chức năng bắt giữ xử lý.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 02-02-2023 của Hội đồng định giá xác định: 02 thùng bia Tiger trị giá 741.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát do b/c T thực hiện đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Vì vậy bản Cáo trạng số 32/CT-VKSĐĐ ngày 11-5-2023 của VKSND huyện Đ truy tố b/c T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 01 Điều 171 BLHS là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Hành vi của b/c là nguy hiểm vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử phạt b/c với mức án nghiêm nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3.1] Tình tiết tăng nặng: b/c đang có tiền án nhưng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này được xem là tái phạm theo điểm h khoản 01 Điều 52 BLHS.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ: b/c thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại xin giảm án cho b/c theo quy định tại điểm s khoản 01, khoản 02 Điều 51 BLHS. Với các tình tiết trên nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho b/c khi lượng hình.

[4] Về xử lý tài sản tạm giữ: chiếc xe mô tô biển số 72K6- 7137, nhãn hiệu Yamaha, loại xe nouvo, màu đỏ - đen - bạc; Số máy: 2B51- 08921; Số khung: 2B5105Y- 008921, có giấy đăng ký xe số 0143837 là tài sản do b/c làm chủ sở hữu và phương tiện b/c dùng thực hiện việc phạm tội tịch thu sung quỹ nhà nước.

[5] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra thể hiện bà Nguyễn Thị Thu Th là người bỏ ra 700.000đ để mua 02 thùng bia do b/c đem đến bán, bà Th không biết tài sản do b/c phạm tội mà có nên không bị xử lý trách nhiệm là đúng quy định và bà Th yêu cầu b/c bồi thường số tiền 700.000đ được b/c đồng ý nên ghi nhận sự tự nguyện này. Đối với bị hại Mai Thanh Th không yêu cầu gì nên không xét đến.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Hữu T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2/ Áp dụng khoản 01 Điều 171; điểm s khoản 01, khoản 02 Điều 51; điểm h khoản 01 Điều 52; các Điều 38, 50 BLHS:

Phạt bị cáo Trần Hữu T 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15-02-2023.

3/ Vật chứng tạm giữ: áp dụng Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô biển số 72K6 - 7137, nhãn hiệu Yamaha, loại xe nouvo, màu đỏ - đen - bạc; Số máy: 2B51- 08921; Số khung: 2B5105Y-008921, có giấy đăng ký xe số 0143837 do Công an tỉnh BRVT cấp.

(Vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đang tạm giữ theo biên bản số 35/BB ngày 12-5-2023).

- Tạm giữ giấy đăng ký xe số 0143837 do Công an tỉnh BRVT cấp mang tên Võ Văn Huệ và được giao cho cơ quan chức năng khi bản án có hiệu lực pháp luật. (Tòa án ND huyện Đ đang tạm giữ theo hồ sơ vụ án).

4/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 246 BLTTDS:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T đối với bà Nguyễn Thị Thu Th như sau: b/c T có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu Th số tiền 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu thêm phần lãi suất tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5/ Án phí: Áp dụng các điểm a, f Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của UBTVQH10. B/c T phải chịu 200.000đ án phí HSST và không phải chịu án phí DSST.

6/ Căn cứ Điều 331, 333, 336 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày (đối với người vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết); Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

